

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2021/NQ-HĐND

An Giang, ngày 22 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn
đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 2 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 328/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân
bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương; báo cáo
thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:
CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương quy định tại Nghị quyết này bao gồm vốn đầu tư tập trung do Thủ tướng Chính phủ giao và vốn thu xổ số kiến thiết.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với:

1. Các sở, ban ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, các cơ quan, tổ chức khác được giao kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn vốn ngân sách địa phương trong giai đoạn 2021 - 2025.

CHƯƠNG II
NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ
CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương

Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020.

Điều 4. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương

1. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương được phân chia thành vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý và vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phân cấp cho cấp huyện quản lý. Tính toán hợp lý cơ cấu vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý và vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phân cấp cho cấp huyện quản lý, bảo đảm vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý giữ vai trò chủ đạo.

2. Việc phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan, tổ chức và các cấp chính quyền địa phương.

4. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh An Giang tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Kế hoạch tài chính 05 năm, Kế hoạch vay, trả nợ vay 05 năm, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

5. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương trong kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh.

6. Phân bổ vốn đầu tư tập trung; không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đủ điều kiện, thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án.

7. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án quan trọng của tỉnh, các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án kết nối, có tác động đến nhiều địa phương cấp huyện, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

8. Phân bổ mức vốn phù hợp cho các địa phương cấp huyện vùng miền núi, biên giới, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bộ với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các địa phương cấp huyện trong tỉnh.

9. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương được thực hiện như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước (nếu còn);

c) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

đ) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

10. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 5. Định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương

1. Dành một phần vốn đầu tư tập trung trong tổng số vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương để phân cấp cho cấp huyện quản lý và được phân bổ theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này. Số vốn này bằng số vốn đã giao cho các địa phương cấp huyện trong giai đoạn trước.

2. Dành tiếp 10% số vốn đầu tư tập trung trong tổng số vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương để bổ sung cho các địa phương cấp huyện và phân cấp cho cấp huyện quản lý để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương cấp huyện. Số vốn này được phân bổ theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này và được xác định theo tiêu chí quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này.

3. Số vốn còn lại do cấp tỉnh quản lý được phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.

Điều 6. Tiêu chí xác định số vốn đầu tư tập trung trong tổng số vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương bổ sung cho các địa phương cấp huyện

1. Số vốn đầu tư tập trung trong tổng số vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương bổ sung cho từng địa phương cấp huyện và phân cấp cho cấp huyện quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết này được xác định theo tiêu chí tính điểm, cụ thể theo 05 nhóm tiêu chí sau:

a) Tiêu chí dân số: Bao gồm dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số năm 2020. Cách tính cụ thể như sau:

- Điểm của tiêu chí dân số trung bình: Cứ mỗi 10.000 dân được tính 1,0 (một) điểm.

Dân số trung bình của các địa phương cấp huyện được xác định căn cứ vào số liệu năm 2020 theo công bố của cơ quan có thẩm quyền.

- Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số: Cứ mỗi 1.000 dân được tính 0,5 (không phải năm) điểm.

Số người dân tộc thiểu số của các địa phương cấp huyện được xác định căn cứ vào số liệu năm 2020 theo công bố của cơ quan có thẩm quyền.

b) Tiêu chí trình độ phát triển: Bao gồm tỷ lệ hộ nghèo và số thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết). Cách tính như sau:

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Cứ 1% hộ nghèo được tính 1,0 (một) điểm.

Tỷ lệ hộ nghèo của các địa phương cấp huyện được xác định căn cứ vào số liệu năm 2020 theo công bố của cơ quan có thẩm quyền.

- Điểm của tiêu chí số thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết):

+ Số thu nội địa từ 0 đến 100 tỷ đồng, được tính 4,0 (bốn) điểm.

+ Số thu nội địa từ trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng, được tính 3,0 (ba) điểm.

+ Số thu nội địa từ trên 200 tỷ đồng, được tính 2,0 (hai) điểm.

Số thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) căn cứ vào dự toán thu năm 2020 theo công bố của cơ quan có thẩm quyền.

c) Tiêu chí diện tích: Bao gồm diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ che phủ rừng. Cách tính như sau:

- Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên:

+ Đến 100 km² được tính 2,0 (hai) điểm.

+ Từ trên 100 km² đến 300 km², cứ 10 km² được tính thêm 1,0 (một) điểm.

+ Từ trên 300 km², cứ 10 km² được tính thêm 0,5 (không phải năm) điểm.

Diện tích đất tự nhiên của các địa phương cấp huyện được xác định căn cứ vào số liệu năm 2020 theo công bố của cơ quan có thẩm quyền.

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng:

+ Đến 10% được tính 0,5 (không phải năm) điểm.

+ Từ trên 10% đến 50% được tính 1,0 (một) điểm.

Diện tích che phủ rừng được xác định căn cứ vào số liệu năm 2020 theo công bố của cơ quan có thẩm quyền.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã: Bao gồm số đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn và số lượng đơn vị hành chính cấp xã có biên giới đất liền. Cách tính như sau:

- Điểm của tiêu chí số lượng đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn: Cứ mỗi xã, phường, thị trấn được tính 1,0 (một) điểm.

Số lượng đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn của các địa phương cấp huyện được xác định căn cứ vào số liệu năm 2020 theo công bố của cơ quan có thẩm quyền.

- Điểm của tiêu chí số lượng đơn vị hành chính cấp xã có biên giới đất liền: Cứ mỗi đơn vị hành chính cấp xã có biên giới đất liền được tính 1,0 (một) điểm.

Danh sách đơn vị hành chính cấp xã có biên giới đất liền được xác định căn cứ vào số liệu năm 2020 theo công bố của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Tiêu chí bổ sung: Bao gồm tiêu chí xếp loại đô thị, tiêu chí tỷ lệ diện tích đất trồng lúa. Cách tính như sau:

- Điểm của tiêu chí xếp loại đô thị:

- + Đô thị loại 1: Mỗi đô thị được tính 60 (sáu mươi) điểm;
- + Đô thị loại 2: Mỗi đô thị được tính 50 (năm mươi) điểm;
- + Đô thị loại 3: Mỗi đô thị được tính 40 (bốn mươi) điểm;
- + Đô thị loại 4: Mỗi đô thị được tính 10 (mười) điểm;
- + Đô thị loại 5: Mỗi đô thị được tính 5 (năm) điểm.

Danh sách xếp loại đô thị được xác định căn cứ vào số liệu năm 2020 theo công bố của cơ quan có thẩm quyền.

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ diện tích đất trồng lúa:

- + Đến 30% được tính 2,0 (hai) điểm;
- + Từ trên 30% đến 50%, cứ mỗi 1% được tính thêm 0,5 (không phải năm) điểm;
- + Từ trên 50%, cứ mỗi 1% được tính thêm 1,0 (một) điểm.

Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa của các địa phương cấp huyện được xác định căn cứ vào số liệu năm 2020 theo công bố của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ:

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng địa phương cấp huyện làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư tập trung cho các địa phương cấp huyện. Số vốn này được tính toán và giao tổng số vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công hằng năm nguồn vốn ngân sách địa phương, theo công thức:

$$V_n = (V\text{ĐT}/\text{Đ}) \times \text{Đ}_n$$

Trong đó:

- V_n : Là số vốn đầu tư tập trung cho một đơn vị địa phương cấp huyện.
- $V\text{ĐT}$: Là tổng số vốn đầu tư tập trung cho các địa phương cấp huyện.
- Đ : Là tổng số điểm của các địa phương cấp huyện.
- Đ_n : là số điểm của một đơn vị địa phương cấp huyện.

Điều 7. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý

1. Việc phân bổ số vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý được phân bổ theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Đối ứng cho các dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.
- b) Đối ứng cho các dự án có sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (bao

gồm vốn trong nước và vốn ngoài nước) hỗ trợ theo quy định.

c) Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh, đồng thời thuộc đối tượng đầu tư công quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công và theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

d) Số vốn còn lại sẽ hỗ trợ có mục tiêu cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, nhưng bảo đảm số vốn này không vượt quá 40% tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý. Việc hỗ trợ vốn có mục tiêu phải đảm bảo các nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều này và tuân thủ theo đối tượng được hỗ trợ và cơ cấu nguồn vốn hỗ trợ quy định tại Điều 8 Nghị quyết này.

2. Nguyên tắc hỗ trợ vốn có mục tiêu cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện:

a) Việc hỗ trợ có mục tiêu cho các dự án phải trên cơ sở đảm bảo khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý, không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

b) Việc hỗ trợ có mục tiêu các dự án phải lấy nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải, đồng bộ, tiết kiệm, hiệu quả làm trọng tâm. Ưu tiên hỗ trợ các dự án nhằm thực hiện các khâu đột phá đã đề ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của các địa phương cấp huyện; các dự án nhằm tháo gỡ các nút thắt trong phát triển kinh tế của tỉnh nói chung, các địa phương cấp huyện nói riêng.

Điều 8. Đối tượng được hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý và cơ cấu nguồn vốn hỗ trợ

1. Các dự án được hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý bao gồm những đối tượng như sau:

a) Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các dự án xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc các cấp học từ mầm non đến trung học cơ sở.

b) Lĩnh vực văn hóa:

Các dự án xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp, cải tạo để phục vụ các mục tiêu: bảo vệ, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; phát triển văn học nghệ thuật, thư viện, văn hóa cơ sở; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa.

c) Lĩnh vực thể dục, thể thao: Các dự án xây dựng mới cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm mới trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao.

d) Lĩnh vực giao thông: Các dự án xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường huyện và cầu trên tuyến, các tuyến đường và cầu trong đô thị.

đ) Lĩnh vực khu công nghiệp và khu kinh tế: Các dự án xây dựng mới cơ sở

hạ tầng cụm công nghiệp.

e) Lĩnh vực du lịch: Các dự án xây dựng mới cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm du lịch;

g) Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Các dự án xây dựng mới khu hành chính, trụ sở, nhà công vụ của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

h) Các dự án đầu tư công khẩn cấp.

2. Cơ cấu vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý hỗ trợ có mục tiêu cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện:

a) Đối với các dự án xây dựng mới cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp thuộc lĩnh vực khu công nghiệp và khu kinh tế: Mỗi địa phương cấp huyện được hỗ trợ vốn đầu tư 01 cụm công nghiệp với mức vốn không quá 30 (ba mươi) tỷ đồng.

b) Đối với các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý hỗ trợ 100% chi phí xây dựng và chi phí thiết bị.

c) Đối với các dự án thuộc lĩnh vực giao thông: Vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý hỗ trợ 70% chi phí xây dựng.

d) Đối với các dự án thuộc các lĩnh vực còn lại: Vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý hỗ trợ 100% chi phí xây dựng.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tổ chức và chỉ đạo các sở, ban ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết này theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trong trường hợp cần thiết phải sửa đổi hoặc bổ sung các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư có cơ cấu các nguồn vốn đầu tư dự án khác với quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết này, trường hợp đã được bố trí vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công hằng năm thì tiếp tục thực hiện theo cơ cấu các nguồn vốn đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư có cơ cấu các nguồn vốn đầu tư dự án khác với quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết này nhưng chưa được bố trí vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công hằng năm thì thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh quyết định đầu tư theo cơ cấu các nguồn vốn đầu tư dự án quy định tại Nghị quyết này.

3. Riêng các dự án mở rộng, nâng cấp, cải tạo trụ sở cấp huyện và trụ sở cấp xã đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định thì tiếp tục triển khai thực hiện theo nội dung chủ trương đầu tư đã phê duyệt.

Điều 11. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2021. /m

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh Kiên Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND-Huy.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Nưng